

TRƯỜNG ĐH KHXH&NV
KHOA NGỮ VĂN NGÀ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học:

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Bùi Mỹ Hạnh	Học hàm, học vị: TS. GVC
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TPHCM	Điện thoại liên hệ: 0918589959
Email: hanhcras@yahoo.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	Trực tiếp tại VP khoa, qua ĐT hay email
Nơi tiến hành môn học:	Cơ sở Đinh Tiên Hoàng
Thời gian học:	HKI, thứ Ba và thứ Năm, tiết 6-10

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **LÝ THUYẾT DỊCH**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): **TRANSLATING THEORY / ТЕОРИЯ ПЕРЕВОДА**

- Mã môn học: NVN060

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: sinh viên năm thứ 5

4. Phân bố thời gian: 30 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 10 tiết
- Thực hành: 15 tiết
- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 5 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: SV đã học môn Dịch Nga – Việt 1, Dịch Việt – Nga 1.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: SV đã có được các kỹ năng tiếng cơ bản.

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học cung cấp cho người học khái niệm, lý thuyết, các nguyên tắc dịch và các hình thức dịch (biên dịch/dịch viết và phiên dịch: dịch xuôi và dịch song hành), tiêu chí đánh giá một bản dịch, tính dịch được và tính tương đương của văn bản, phương pháp và kỹ thuật dịch, đồng thời hỗ trợ việc học/nghiên cứu ngoại ngữ sâu hơn, đặc biệt trong phương diện so sánh đối chiếu ngoại ngữ với tiếng mẹ đẻ.

7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

7.1. Mục tiêu: Làm quen sinh viên với những điểm cơ bản của lý thuyết dịch và hỗ trợ hình thành những khả năng và kỹ năng dịch tương ứng tạo cơ sở cho sự hình thành năng lực dịch thuật ở sinh viên.

7.2. Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

7.2.1. Kiến thức

- 1) Khái quát (*summarize – tóm lược*) hệ thống kiến thức về dịch thuật, các dạng dịch, các phương diện ngữ dụng và chuẩn mực, những đặc điểm của việc dịch tài liệu thuộc các thể loại khác nhau. (PLO12+ PLO22 +PLO27)
- 2) Hiểu được (*understand – hiểu*) các phương pháp và kỹ thuật dịch. (PLO12+ PLO23+PLO27+ PLO33+PLO35)
- 3) Nhận biết (*identify – nhận dạng*) được những trường hợp không tương ứng điển hình và cách khắc phục, các phương pháp và tiêu chí đánh giá chất lượng bản dịch. (PLO12++ PLO13+PLO21+ PLO22+ PLO27+ PLO33+PLO36)

7.2.2. Kỹ năng

- 1) Đạt được kỹ năng tổng hợp lại, sắp xếp (*arrange – sắp xếp*) tài liệu (sử dụng Internet, thư viện...) hỗ trợ cho học tập và nghiên cứu, đặc biệt là sử dụng được (*use – sử dụng*) các loại từ điển, bách khoa toàn thư và các tài liệu chỉ dẫn khác. (PLO23+PLO27+ PLO12+PLO33+ PLO35)
- 2) Lựa chọn phù hợp (*choose – lựa chọn*) những kiến thức học được vào thực hành qua các bài tập thực hành. (PLO21+PLO22+ PLO25+ PLO31+PLO33+ PLO12)
- 3) Phát triển (*develop – phát triển*) kỹ năng làm việc cá nhân và kết hợp làm việc nhóm. (PLO24+PLO34+PLO35)

7.2.3. Thái độ

- 1) Có ý thức (*be aware – ý thức*) sử dụng các cơ sở ngôn ngữ văn hóa nghề nghiệp, sử dụng (*use – sử dụng*) ngoại ngữ ở trình độ cho phép nhận được và đánh giá thông tin trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp. (PLO31+PLO33+ PLO12+ PLO13+ PLO22+ PLO25)
- 2) Trau dồi (*increase in proficiency – nâng cao trình độ*) các kiến thức về ngôn ngữ và nâng cao được các hiểu biết về văn hóa thông qua các hoạt động đánh giá một bản dịch. (PLO36 +PLO12+PLO26)
- 3) Năng động vận dụng (*apply – vận dụng*) lý thuyết trong thực hành và sử dụng (*use – sử dụng*) kiến thức học được vào việc làm. (PLO35+ PLO36+PLO12+ PLO13+PLO24 +PLO27)

8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Khái quát (<i>summarize – tóm lược</i>) hệ thống kiến thức về dịch thuật, các dạng dịch, các phương diện ngữ dụng và chuẩn mực, những đặc điểm của việc dịch tài liệu thuộc	GV thuyết trình SV thực hành Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời	Kỹ năng trình bày Bài tập thực hành Thuyết trình nhóm Kiểm tra giữa kỳ

	các thể loại khác nhau. (PLO12+ PLO22 +PLO27)	GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	
2	Hiểu được (<i>understand – hiểu</i>) các phương pháp và kỹ thuật dịch. (PLO12+ PLO23+PLO27+ PLO33+PLO35)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình SV thực hành Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài tập về nhà Bài tập thực hành Thuyết trình nhóm Kiểm tra giữa kỳ
3	Nhận biết (<i>identify – nhận dạng</i>) được những trường hợp không tương ứng điển hình và cách khắc phục, các phương pháp và tiêu chí đánh giá chất lượng bản dịch. (PLO12++ PLO13+PLO21+ PLO22+ PLO27+ PLO33+PLO36)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình SV thực hành Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài tập về nhà Bài tập thực hành Thuyết trình nhóm Ý kiến, hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra cuối kỳ
4	Đạt được kỹ năng tổng hợp lại, sắp xếp (<i>arrange – sắp xếp</i>) tài liệu (sử dụng Internet, thư viện...) hỗ trợ cho học tập và nghiên cứu, đặc biệt là sử dụng được (<i>use – sử dụng</i>) các loại từ điển, bách khoa toàn thư và các tài liệu chỉ dẫn khác. (PLO23+PLO27+ PLO12+PLO33+ PLO35)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình SV làm bài thực hành Hỏi đáp và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài thực hành Kiểm tra giữa kỳ
5	Lựa chọn phù hợp (<i>choose – lựa chọn</i>) những kiến thức học được vào thực hành qua các bài tập thực hành. (PLO21+PLO22+ PLO25+ PLO31+PLO33+ PLO12)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình SV làm bài thực hành Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài tập về nhà Thuyết trình nhóm Ý kiến, hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra cuối kỳ
6	Phát triển (<i>develop – phát triển</i>) kỹ năng làm việc cá nhân và kết hợp làm việc nhóm. (PLO24+PLO34+PLO35)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài tập về nhà Thuyết trình nhóm Ý kiến, hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ
7	Có ý thức (<i>be aware – ý thức</i>) sử dụng các cơ sở ngôn ngữ văn hóa nghề nghiệp, sử dụng (<i>use – sử dụng</i>) ngoại ngữ ở trình độ cho phép nhận được và đánh giá thông tin trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp. (PLO31+PLO33+PLO12+ PLO13+ PLO22+ PLO25)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình SV làm bài thực hành Thuyết trình nhóm GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài tập thực hành Thuyết trình nhóm Kiểm tra giữa kỳ
8	Trau dồi (<i>increase in proficiency – nâng cao trình độ</i>) các kiến thức về ngôn ngữ và nâng cao được các hiểu biết về văn hóa thông qua các hoạt động đánh giá một bản	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời	Kỹ năng trình bày Bài tập thực hành Thuyết trình nhóm Ý kiến, hỏi đáp

	dịch. (PLO36+PLO12+PLO26)	GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kiểm tra giữa kỳ
9	Năng động vận dụng (<i>apply – vận dụng</i>) lý thuyết trong thực hành và sử dụng (<i>use – sử dụng</i>) kiến thức học được vào việc làm. (PLO35+ PLO36+PLO12+ PLO13+PLO24 +PLO27)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà SV làm bài thực hành GV thuyết trình Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài tập về nhà Bài tập thực hành Thuyết trình nhóm Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra cuối kỳ

9. Tài liệu phục vụ môn học:

9.1. Tài liệu/giáo trình chính: Giáo viên tự biên soạn

9.2. Tài liệu tham khảo/bổ sung:

1. Алексеева И. С. *Введение в переводоведение*. – СПб.: Филологический факультет СПбГУ; М.: Академия, 2006.
2. Бархударов Л.С. *Язык и перевод. Вопросы общей и частной теории перевода*. – М.: Международные отношения, 1975.
3. Виноградов В.С. *Введение в переводоведение: Общие и лексические вопросы* / В.С. Виноградов. – М. : Изд-во ИОСО РАО, 2001. – 224 с.
4. Жаркова Е.М. *Лекции по общей теории перевода. Учебное пособие*. – Мариуполь: изд-во ПГТУ. – 2007. – 328 с.
5. Комиссаров В.Н. *Лингвистика перевода*. – М.: Международные отношения, 1980
6. Латышев Л.К., Семенов А.Л. *Перевод: теория, практика и методика преподавания: Учебное пособие для студ. перевод. фак. высш. учеб. заведений*. – М.: Издательский центр «Академия», 2003. – 192 с. ISBN 5-7695-1272-5
7. Осокин Б.А. *Введение в теорию и практику перевода. Перевод политического текста: Теоретические и практические основы перевода с английского языка на русский и с русского языка на английский*. – М.: Изд. МГИМО, 2008. – 152 с. ISBN 978-5-8243-0856-3
8. Петрова О. В. *Введение в теорию и практику перевода*. – М.: АСТ: Восток – Запад, 2006.

9.3. Trang Web/CDs tham khảo:

1. www.transneed.com
2. www.ncstu.ru
3. www.teoriya i praktika perevoda
4. www.translation.net
5. www.transinter.ru

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Toàn khóa học	- Chuyên cần - Bài thực hành - Bài tập về nhà	10% 15% 25%	Điểm giữa kỳ	30%

	- Kiểm tra giữa kỳ Tổng cộng	50% 100%		
Cuối khóa học	- Thuyết trình nhóm / tiểu luận - Thi cuối kỳ Tổng cộng	30% 70% 100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

10.1. Xếp loại đánh giá

- 5-6 điểm: Nắm được định nghĩa, khái niệm cơ bản về lý thuyết dịch và có khả năng dịch từng câu và văn bản ngắn có nội dung đơn giản.
- 7 điểm: Nắm được lý thuyết về các phương pháp thay thế từ vựng, ngữ pháp và có khả năng dịch văn bản ngắn có về các đề tài thông dụng và trung tính về văn phong.
- 8 điểm: Nắm được lý thuyết về thay thế từ vựng, ngữ pháp và các thủ pháp ngữ cảnh; có khả năng dịch văn bản có nội dung chuyên ngành.
- 9-10 điểm: Nắm vững lý thuyết và áp dụng tốt vào việc dịch và tái tạo các loại văn bản.
- Ngoài ra, sinh viên có thể nhận được điểm thưởng (0,5 – 1 điểm) nếu làm bài tập về nhà đầy đủ và tham gia phát biểu có chất lượng tốt trên lớp.

10.2. Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

- Bài kiểm tra giữa kỳ thực hiện vào tuần thứ 4 của học phần với thời gian làm bài 60 phút, có tổng điểm 50, bao gồm các dạng bài tập dưới đây:
 - o Chọn và điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong câu / hội thoại / văn bản
 - o Dịch câu
 - o Dịch một hội thoại ngắn
 - o Dịch một văn bản khoảng 100 từ
- Bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện vào tuần thứ 2 sau khi kết thúc học phần với thời gian làm bài 70 phút bao gồm các dạng bài tập dưới đây:
 - o Chọn và điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong câu / hội thoại / văn bản
 - o Dịch câu
 - o Dịch một hội thoại ngắn
 - o Dịch một văn bản khoảng 150-200 từ

10.3. Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

- Bài kiểm tra giữa kỳ: chấm theo thang điểm 5 – 10 – 15 – 20.
- Bài kiểm tra cuối kỳ: chấm theo thang điểm 10 – 15 – 20 – 25.

11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

11.1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học. Trường hợp nghỉ hoặc vắng mặt phải có lý do chính đáng và phải có giấy tờ chứng minh.

- Sinh viên vắng mặt 1 buổi học không có lý do sẽ bị trừ 1 điểm và nếu vắng mặt quá 20% tổng số giờ học sẽ bị coi như không hoàn thành khóa học.
- Sinh viên có trách nhiệm làm bài tập về nhà, đọc tài liệu chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp, tham gia phát biểu và làm bài thực hành trên lớp theo yêu cầu của giáo viên. Sinh viên bị mất 0,5 điểm cho mỗi lần không thực hiện yêu cầu này.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sau 30 phút bắt đầu giờ học, sinh viên sẽ bị trừ 0,5 điểm.
- Trong giờ học tuyệt đối không nói chuyện riêng, ăn và sử dụng điện thoại di động, máy nghe nhạc, máy tính xách tay, máy tính bảng ngoài mục đích học tập.

11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM.

11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

Sinh viên có thể liên hệ để trao đổi các vấn đề liên quan đến bài học qua các hình thức sau: trực tiếp gặp mặt giáo viên phụ trách tại văn phòng khoa hoặc liên lạc qua địa chỉ e-mail, facebook, điện thoại.

12. Nội dung chi tiết môn học:

Введение. Что такое теория перевода

Термин, виды, задачи теории перевода

Глава 1. Перевод: возникновение, история, сущность переводического процесса

1. Теория регулярных соответствий
2. Коммуникативная теория перевода

Глава 2. Уровни эквивалентности перевода

5 типов эквивалентности

Глава 3. Переводические трансформации

1. Лексические трансформации: транскрибирование и транслитерация, калькирование, лексико-семантические замены (конкретизация, генерализация, модуляция)
2. Грамматические трансформации: синтаксическое уподобление, членение предложения, объединение предложений, грамматические замены
3. Комплексные лексико-грамматические трансформации: антонимический перевод, экспликация (описательный перевод), компенсация

Глава 4. Переводические соответствия

1. Переводические соответствия: соответствия по характеру отношения к переводимой единице, соответствия по принадлежности исходной единицы: лексические, фразеологические и грамматические
2. Окациональное соответствие (контекстуальная замена)
3. Безэквивалентные единицы: Безэквивалентные лексические единицы: соответствия-заимствования, соответствия-кальки, соответствия-аналоги,

соответствия-лексические замены, описание; Безэквивалентные грамматические единицы: нулевой перевод, приближенный перевод, трансформационный перевод

Глава 5. Виды перевода. Перевод и другие виды языкового посредничества

1. Жанрово-стилистическая классификация: художественный (литературный) перевод и информативный (специальный) перевод
2. Психолингвистическая классификация: Письменный перевод; Устный перевод: синхронный и последовательный перевод
3. Виды языкового посредничества: адапти рованный и сокращенный перевод

Глава 6. Техника перевода

1. Три принципа перевода
2. Технические приемы перевода: перемещение, добавление, опущение, прием пословного перевода, местоименный повтор

Глава 7. Нормативные аспекты перевода

1. Понятие нормы перевода. Нормы перевода: норма эквивалентности перевода, жанрово-стилистическая норма и норма переводической речи
2. Оценка качества перевода: адекватный, эквивалентный, точный, буквальный, свободный (вольный) перевод
3. Ошибки при переводе: 4 видов ошибок

13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi/ Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	Введение. Что такое теория перевода Термин, виды, задачи теории перевода Глава 1. Перевод: возникновение, история, сущность переводического процесса 1. Теория регулярных соответствий 2. Коммуникативная теория перевода Глава 2. Уровни эквивалентности перевода 5 типов эквивалентности	- GV giới thiệu môn học, giải thích yêu cầu của môn học - GV thuyết trình chủ đề - SV nghe giảng - SV làm bài thực hành - GV hướng dẫn làm bài tập về nhà	1. Комиссаров В.Н. С. 34-51. 2. Виноградов. В.В. С. 187-208 3. Латышев Л.К. С. 56-75
2	5	Глава 3. Переводические трансформации 1. Лексические трансформации: транскрибирование и транслитерация,	- GV kiểm tra và sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV nghe giảng - SV thực hành - SV thảo luận nhóm	1. Алексеева И.С. С. 162-259 2. Осокин Б.А. С. 21-23

		<p>калькирование, лексико-семантические замены</p> <p>2. Грамматические трансформации: синтаксическое уподобление, членение предложения, объединение предложений, грамматические замены</p> <p>3. Комплексные лексико-грамматические трансформации: антонимический перевод, экспликация (описательный перевод), компенсация</p>	<ul style="list-style-type: none"> - SV thuyết trình - GV tổng kết ý kiến, đánh giá - GV hướng dẫn làm bài tập về nhà 	
3	5	<p>Глава 4. Переводческие соответствия</p> <p>1. Переводческие соответствия: соответствия по характеру отношения к переводимой единице, соответствия по принадлежности исходной единицы: лексические, фразеологические и грамматические</p> <p>2. Оказиональное соответствие (контекстуальная замена)</p> <p>3. Безэквивалентные единицы:</p> <p>3.1. Безэквивалентные лексические единицы</p> <p>3.2. Безэквивалентные грамматические единицы</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra và sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV nghe giảng - SV thực hành - SV thảo luận nhóm thuyết trình - GV tổng kết ý kiến, đánh giá - GV hướng dẫn làm bài tập về nhà 	1. Осокин Б.А. С. 24-27
4	5	<p>Глава 5. Виды перевода. Перевод и другие виды языкового посредничества</p> <p>1. Жанрово-стилистическая классификация: художественный (литературный) перевод и информативный (специальный) перевод</p> <p>2. Психолингвистическая</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV kiểm tra và sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV nghe giảng - SV thực hành - GV hướng dẫn làm bài tập về nhà <p>Kiểm tra giữa khóa</p>	1. Виноградов В.С. 2. Осокин Б.А. С.28-30

		классификация: Письменный перевод; Устный перевод: синхронный и последовательный перевод 3. Виды языкового посредничества: адапти- рованный и сокращенный перевод		
5	5	Глава 6. Техника перевода 1. Три принципа перевода 2. Технические приемы перевода: перемещение, добавление, опущение, прием пословного перевода, местоименный повтор	- GV kiểm tra và sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV nghe giảng - SV thực hành - SV thảo luận nhóm - GV tổng kết ý kiến, đánh giá thuyết trình - GV hướng dẫn làm bài tập về nhà	1. Осокин Б.А. С.31-34
6	5	Глава 7. Нормативные аспекты перевода 1. Понятие нормы перевода. Нормы перевода: норма эквивалентности перевода, жанрово-стилистическая норма и норма переводической речи 2. Оценка качества перевода: адекватный, эквивалентный, точный, буквальный, свободный (вольный) перевод 3. Ошибки при переводе: 4 видов ошибок	- GV kiểm tra và sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV nghe giảng - SV thực hành - SV thảo luận nhóm - SV thuyết trình - GV tổng kết ý kiến, đánh giá thuyết trình - GV tổng kết nội dung cơ bản của toàn bộ khóa học	1. Осокин Б.А. С.35- 37

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2014

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Bùi Mỹ Hạnh

Nguyễn Vũ Hương Chi

Bùi Mỹ Hạnh